

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – HÀ NỘI**

- Căn cứ vào Điều 144, 147, 212, 213 và 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 55, 57, 58, 71, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý **số 985 /2026/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2026** về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

***Người yêu cầu:***

- Chị **Mai Thị L**, sinh năm 1986; CCCD số: 037186000027 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 25/04/2021;

- Anh **Hoàng Anh D**, sinh năm 1984; CCCD số 001084007145 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 08/03/2024;

Cùng HKTT và nơi ở hiện tại: **Số C hẻm C T, phường T, thành phố Hà Nội.**

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Chị **Mai Thị L** và anh **Hoàng Anh D** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường B, quận T, thành phố Hà Nội** theo Giấy chứng nhận kết hôn số 169/2012 ngày 15/09/2012.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 8 năm 2026 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn

và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 985/2026/TLST-HNGĐ ngày 18/8/2026.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 8 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa

Chị **Mai Thị L** và anh **Hoàng Anh D**

- Về con chung: Chị **Mai Thị L** và anh **Hoàng Anh D** có 02 (Hai) con chung là: **Hoàng Bảo D1**; sinh ngày 17/04/2013 và **Hoàng Phương T**; sinh ngày 26/09/2018.

Giao anh **Hoàng Anh D** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là: cháu **Hoàng Bảo D1** và cháu **Hoàng Phương T**. Chị **Mai Thị L** không đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

Chị **Mai Thị L** có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản và nhà ở chung: Chị **Mai Thị L** và anh **Hoàng Anh D** không có tài sản chung, nhà ở chung, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về công nợ: Chị **Mai Thị L** và anh **Hoàng Anh D** không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không yêu cầu giải quyết .

- Về lệ phí HNGĐ: **Chị Mai Thị L** tự nguyện chịu cả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí ly HNGĐ. **Chị Mai Thị L** đã nộp ngày 18 ngày 08 năm 2026 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội. **Chị Mai Thị L** được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số **0004151 ngày 18/8/2026** của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

**Nơi nhận:**

- Người yêu cầu;
- VKSND khu vực 1 – Hà Nội;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Tòa án ND TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Nguyễn Thị Hồng Hà**